

Số: /STP-BCTĐ

Bắc Kạn, ngày tháng 9 năm 2023

BÁO CÁO THẨM ĐỊNH

Dự thảo Nghị quyết quy định mức chi hỗ trợ người cai nghiện ma túy và người được giao nhiệm vụ tư vấn tâm lý, xã hội, quản lý, hỗ trợ đối tượng cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, đối tượng bị quản lý sau cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn

Sở Tư pháp nhận được văn bản số 2082/LĐT BXH-PCTNXH, BVCSTE&BDG ngày 08/9/2023 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội về việc thẩm định hồ sơ dự thảo Nghị quyết quy định mức chi hỗ trợ người cai nghiện ma túy và người được giao nhiệm vụ tư vấn tâm lý, xã hội, quản lý, hỗ trợ đối tượng cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, đối tượng bị quản lý sau cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn. Sau khi nghiên cứu, thẩm định, Sở Tư pháp có ý kiến như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

Thực hiện quy định tại Nghị định số 135/2004/NĐ-CP ngày 10/6/2004 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh, tổ chức hoạt động của cơ sở chữa bệnh theo Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính và chế độ đối với người chưa thành niên, người tự nguyện vào cơ sở chữa bệnh; Thông tư số 124/2018/TT-BTC ngày 20/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện, ngày 17/7/2019, Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND quy định mức hỗ trợ và các khoản đóng góp đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

Hiện nay, Nghị định số 135/2004/NĐ-CP đã hết hiệu lực (do bị thay thế bởi Nghị định số 116/2021/NĐ-CP ngày 21/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống ma túy, Luật Xử lý vi phạm hành chính về cai nghiện ma túy và sau cai nghiện ma túy); Thông tư số 124/2018/TT-BTC thay thế bởi Thông tư số 62/2022/TT-BTC ngày 05/10/2022 của Bộ Tài chính quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ ngân sách Nhà nước thực hiện chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc; công tác cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, cơ sở cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy. Dẫn đến một số nội dung quy định Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND không còn phù hợp.

Do đó, việc UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét, thông qua Nghị quyết quy định mức chi hỗ trợ người cai nghiện ma túy và người được giao nhiệm vụ tư vấn tâm lý, xã hội, quản lý, hỗ trợ đối tượng cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, đối tượng bị quản lý sau cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn là phù hợp và cần thiết.

II. TÍNH HỢP HIẾN, HỢP PHÁP, TÍNH THỐNG NHẤT CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN VỚI HỆ THỐNG PHÁP LUẬT

1. Tại điểm a, điểm b khoản 3 Điều 1 dự thảo Nghị quyết

Dự thảo quy định như sau:

“a) Người nghiện ma túy có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Bắc Kạn tham gia cai nghiện tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập được chi hỗ trợ 01 (một) lần, thời gian hỗ trợ là 6 (sáu) tháng;

b) Người cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng được chi hỗ trợ 01 (một) lần;”

Tuy nhiên, đề nghị đơn vị soạn thảo nghiên cứu, xem xét lại nội dung này để quy định cụ thể, rõ ràng hơn để thống nhất cách hiểu (*hỗ trợ 01 lần được hiểu là trong 01 năm; trong tất cả các lần cai nghiện hoặc trong khoảng thời gian nào? Hay sẽ được hiểu là phương thức chi trả một lần?*).

2. Tại Điều 2 dự thảo Nghị quyết

2.1. Tại khoản 1

Đề nghị xem xét, bổ sung định mức tiền ăn trong ngày lễ, ngày Tết đối với người cai nghiện bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Cơ sở: Tại khoản 1 Điều 65 Nghị định 116/2021/NĐ-CP quy định: *“Định mức tiền ăn hàng tháng của người cai nghiện bằng 0,8 mức lương cơ sở hiện hành. Ngày lễ, Tết dương lịch người cai nghiện được ăn thêm không quá 03 lần tiêu chuẩn ngày thường; các ngày Tết nguyên đán người cai nghiện được ăn thêm không quá 05 lần tiêu chuẩn ngày thường; chế độ ăn đối với người cai nghiện bị ốm do Giám đốc cơ sở cai nghiện bắt buộc quyết định theo chỉ định của nhân viên y tế điều trị, nhưng không thấp hơn 03 lần tiêu chuẩn ngày thường”*.

Đồng thời, tại khoản 3 Điều 65 Nghị định cũng quy định: *“Các định mức quy định tại khoản 1 khoản 2 Điều này là mức tối thiểu, căn cứ điều kiện cụ thể của từng địa phương, Ủy ban nhân dân trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh điều chỉnh định mức cho phù hợp”*. Trên cơ sở đó, cơ quan soạn thảo đã đề xuất định mức tiền ăn hàng tháng bằng mức tối thiểu quy định tại Nghị định số 116/2021/NĐ-CP. Tuy nhiên, để đảm bảo đầy đủ, thống nhất trong thực tiễn thực hiện, đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung quy định mức tiền ăn những ngày lễ, Tết.

2.2. Tại khoản 3

Điều a khoản 11 Điều 5 Thông tư số 62/2022/TT-BTC quy định:

“Người cai nghiện bắt buộc khi chấp hành xong quyết định trở về địa phương nơi cư trú được cấp tiền ăn khi đi đường, tiền tàu xe và 01 (một) bộ quần áo thường (nếu họ không có) theo quy định tại khoản 4 Điều 62 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP; cụ thể:

- Tiền ăn: mức hỗ trợ 70.000 đồng/người/ngày trong những ngày đi đường, tối đa không quá 03 ngày;
- Tiền tàu xe: mức hỗ trợ theo giá phương tiện công cộng phổ thông;
- Cấp 01 (một) bộ quần áo mùa hè hoặc 01 (một) bộ quần áo mùa đông;

Căn cứ khả năng cân đối của ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định mức hỗ trợ tối đa để cơ sở cai nghiện bắt buộc thực hiện mua sắm và cấp quần áo cho đối tượng; hỗ trợ mức cao hơn mức tiền ăn và tiền tàu xe quy định tại điểm này;”

Tuy nhiên, tại dự thảo Nghị quyết, mức hỗ trợ tiền ăn và tiền tàu xe được quy định như sau: *“Người cai nghiện bắt buộc chấp hành xong quyết định trở về địa phương nơi cư trú được cấp 01 ngày tiền ăn đi đường, với số tiền là 70.000 đồng/người; Tiền tàu xe: mức chi hỗ trợ theo giá phương tiện công cộng phổ thông áp dụng trên địa bàn tỉnh”*.

Như vậy, dự thảo Nghị quyết quy định mức hỗ trợ tiền ăn bằng mức tiền tối thiểu và chỉ được hỗ trợ 01 ngày; mức hỗ trợ tiền tàu xe bằng mức hỗ trợ quy định tại Thông tư số 62/2022/TT-BTC. Do đó, đề nghị đơn vị soạn thảo xem xét, quy định lại nội dung này cho phù hợp.

3. Tại khoản 1 Điều 3 dự thảo Nghị quyết

3.1. Tại các điểm a, b, c

Để UBND tỉnh có cơ sở xem xét, trình HĐND tỉnh ban hành, đề nghị cơ quan soạn thảo trên cơ sở khả năng ngân sách địa phương và dự kiến số lượng đối tượng tham gia cai nghiện ma túy tự nguyện bổ sung thuyết minh về việc quy định mức hỗ trợ cao hơn, đối tượng mở rộng hơn tại dự thảo Nghị quyết.

3.2. Tại điểm e

Đề nghị xem xét bỏ nội dung này bởi tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều 3 dự thảo Nghị quyết đã quy định mức chi cho người cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập và tại gia đình, cộng đồng theo phần trăm (%) định mức tiền ăn, tiền chăn, màn, chiếu, gối, quần áo, đồ dùng sinh hoạt cá nhân và băng vệ sinh (*đối với người cai nghiện nữ*) của người cai nghiện bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

4. Tại Điều 4 dự thảo Nghị quyết

Mức chi thù lao cho người được giao nhiệm vụ tư vấn tâm lý, xã hội, quản lý, hỗ trợ đối tượng cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, đối tượng bị quản lý sau cai nghiện ma túy theo phân công của Chủ tịch UBND cấp xã quy định tại dự thảo Nghị quyết đảm bảo phù hợp với quy định tại điểm a khoản 4 Điều 34 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP và khoản 2 Điều 6 Thông tư số 62/2022/TT-BTC.

Tuy nhiên, để UBND tỉnh có cơ sở xem xét, quyết định trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết, đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung thuyết minh về cơ sở thực tế đề xuất mức chi tại dự thảo Nghị quyết (*so sánh với các tỉnh tương đồng, mức chi cho những người có nhiệm vụ tương tự trên địa bàn tỉnh, ...*).

Bên cạnh đó, đề nghị đơn vị soạn thảo nghiên cứu, xem xét khả năng phát sinh trường hợp một người được giao nhiệm vụ tư vấn tâm lý, xã hội, quản lý, hỗ trợ cùng một khoảng thời gian cho nhiều đối tượng cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, đối tượng bị quản lý sau cai nghiện ma túy trên thực tế để từ đó có quy định/hướng dẫn chi tiết về mức thù lao (*mức chi “người/tháng” được tính theo người được giao nhiệm vụ hay tính theo người cai nghiện, người bị quản lý sau cai nghiện ma túy?*)

III. VỀ NGÔN NGỮ, THỂ THỨC, KỸ THUẬT TRÌNH BÀY VĂN BẢN

1. Để đảm bảo thống nhất, đề nghị sửa từ “*đối tượng*” thành từ “*người*” trong các cụm “*đối tượng cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng*” và “*đối tượng bị quản lý sau cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn*” trong nội dung dự thảo.

2. Tại điểm b, c khoản 1 Điều 3 dự thảo Nghị quyết: Đề nghị bổ sung từ “*định mức*” vào sau nội dung “*chi hỗ trợ bằng 100%*” tại điểm b và “*chi hỗ trợ bằng 75%*” tại điểm c; thay nội dung “*tiền ăn, tiền mặc, đồ dùng sinh hoạt cá nhân*” bằng nội dung “*tiền ăn, quần áo, chăn, màn, chiếu, gối, đồ dùng sinh hoạt cá nhân và băng vệ sinh (đối với người cai nghiện tự nguyện là nữ)*” để đảm bảo phù hợp với quy định tại Thông tư số 62/2022/TT-BTC.

3. Tại khoản 2 Điều 3 dự thảo Nghị quyết: Đề nghị chỉnh sửa lại nội dung theo hướng: “*Chi hỗ trợ 01 lần kinh phí cai nghiện đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng khi hoàn thành ít nhất 03 giai đoạn theo quy định tại Điều 22, Điều 23 và Điều 24 của Nghị định số 116/2021/NĐ-CP: ...*” để đảm bảo đầy đủ, phù hợp với quy định tại điểm b khoản 4 Điều 34 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP và khoản 3 Điều 6 Thông tư số 62/2022/TT-BTC.

4. Tại Điều 5 dự thảo Nghị quyết: Đề nghị xem xét chuyển nội dung này thành một khoản tại Điều 7 dự thảo Nghị quyết.

Trên đây là báo cáo thẩm định đối với dự thảo Nghị quyết quy định mức chi hỗ trợ người cai nghiện ma túy và người được giao nhiệm vụ tư vấn tâm lý, xã hội, quản lý, hỗ trợ đối tượng cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, đối tượng bị quản lý sau cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn, Sở Tư pháp gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:

Gửi bản điện tử:

- Sở LĐ - TB&XH;
- Giám đốc Sở;
- PGĐ sở (đ/c Trung);
- Lưu: VT, XD&KTVB.

GIÁM ĐỐC

Hà Thị Đào